Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh lưu học sinh Lào đào tạo trình độ bậc Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ năm 2026-2027 như sau:

ມະຫາວິທະຍາໄລອຸດສາຫະກຳນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ ຂໍແຈ້ງການຮັບສະໝັກນັກສຶກສາລາວ ເຂົ້າສຶກສາໃນລະດັບປະລິນຍາຕີ, ປະລິນຍາໂທ ແລະ ປະລິນຍາເອກ ສົກຮຽນ 2026–2027 ດັ່ງຕໍ່ໄປນີ້:

1. NGÀNH TUYỂN SINH, CHỈ TIÊU VÀ HỌC BỔNG / ສາຂາວິຊາທີ່ເປີດຮັບສະໝັກ, ຈຳນວນຮັບ ແລະ ທຶນການສຶກສາ

1.1. Ngành tuyển sinh và chỉ tiêu / ສາຂາວິຊາທີ່ເປີດຮັບສະໝັກ ແລະ ຈຳນວນຮັບ

STT ລຳດັບ	**Tên ngành** ຊື່ສາຂາວິຊາ	**Mã ngành** ລະຫັດສາຂາ	**Chỉ tiêu** ຈຳນວນຮັບ
1	Kế toán ການບັນຊີ	7340301 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	100 chỉ tiêu Bậc Đại học / Thạc sĩ / Tiến sĩ 100 ທຶນຮັບນັກສຶກສາ ລະດັບປະລິນຍາຕີ / ປະລິນຍາໂທ / ປະລິນຍາເອກ
		8340301 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9340301 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
2	Quản trị kinh doanh ບໍລິຫານທຸລະກິດ	7340101 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	
		8340101 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9340101 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
3	Tài chính – Ngân hàng ການເງິນ – ທະນາຄານ	7340201 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	
		8340201 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9340201 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
4	Công nghệ thông tin ເຕັກໂນໂລຢີສາລະສົນ	7480201 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	90 chỉ tiêu Bậc Đại học / Thạc sĩ / Tiến sĩ 90 ທຶນຮັບນັກສຶກສາ ລະດັບປະລິນຍາຕີ / ປະລິນຍາໂທ / ປະລິນຍາເອກ
		8480101 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9480101 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí ເຕັກໂນໂລຢີວິສະວະກຳເຄື່ອງກົນ	7510201 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	
		8520103 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9520103 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử ເຕັກໂນໂລຢີໄຟຟ້າ – ອີເລັກໂຕຣນິກ	7510301 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	
		8520201/8520203 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	
		9520201/9520203 (Tiến sĩ) / (ປະລິນຍາເອກ)	
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô ເຕັກໂນໂລຢີຍານພາຫະນະ	7510205 (Đại học) / (ປະລິນຍາຕີ)	10 chỉ tiêu Bậc Đại học / Thạc sĩ 10 ທຶນຮັບນັກສຶກສາ ລະດັບປະລິນຍາຕີ / ປະລິນຍາໂທ
		8520130 (Thạc sĩ) / (ປະລິນຍາໂທ)	

1.2. Học bổng / ทຶนการสึกสา

Học bổng nhóm 1: số lượng 100 suất / ทຶนการสึกสากุ่ม 1: จำนอน 100 ทึน

- Miễn 100% học phí / ยึกเว้นค่าธียน 100%
- Miễn phí Ký túc xá cho sinh viên / ยึกเว้นค่าทำพักนักสึกสา
- Hỗ trợ sinh hoạt phí 4.000.000 VNĐ/tháng/người / สะพับสะพูนค่าคองชีบ 4.000.000 กิ๋ง/เดือน/คิน

Học bổng nhóm 2: số lượng 100 suất / ทຶนการสึกสากุ่ม 2: จำนอน 100 ทึน

- Miễn 100% học phí / ยึกเว้นค่าธียน 100%
- Miễn phí Ký túc xá cho sinh viên / ยึกเว้นค่าทำพักนักสึกสา
- Không có sinh hoạt phí / บ่ำมีค่าคองชีบ

Tiêu chí xét cấp học bổng: theo quy định xét cấp học bổng dành cho người nước ngoài của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh (dựa trên Hồ sơ và Học lực học tập của thí sinh).

เงื่อนไขการพิจาละนามอบทึน:

ดำเนินตามละบียบการพิจาละนามอบทึนสำลับนักสึกสาต่างปะเทดของมะหาอิทะยาไลอุดสาหะกำนะคอนโฮ่จิมิน

(อิงตามเอกะสานสะพัก และ ผินการธียนของผู้สะพัก).

2. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO / ธูบแบบ และ ไลยะเวลาการธียนการสอน

- Hình thức đào tạo: Chính quy / ธูบแบบการธียนการสอน: พากปักกะติ
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt / พาสาการธียนการสอน: พาสาหวียดนาม
- Địa điểm học / สะถานที่ธียน:

  + Cơ sở Thành phố Hồ Chí Minh (12 Nguyễn Văn Bảo, Phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh)

  อิทะยาเขดนะคอนโฮ่จิมิน (12 ถะพืน หงอียนอันบาอ, แขวงแฮ้งหอง, นะคอนโฮ่จิมิน)

  + Phân hiệu Quảng Ngãi (938 Quang Trung, Phường Cẩm Thành – Tỉnh Quảng Ngãi)

  สาขากวางหงาย (938 ถะพืน กวางจุง, แขวงก่ำแห่ง, แขวงกวางหงาย)

  + Cơ sở Thanh Hóa (Phường Quảng Phú, Tỉnh Thanh Hóa)

  อิทะยาเขดแท้งธอา (แขวงกวางฟู, แขวงแท้งธอา)

3. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN / เงื่อนไขการคัดเลือก:

3.1. Về văn bằng: Thí sinh đăng ký đáp ứng các điều kiện tương ứng sau:

ด้านอุดทึการสึกสา: ผู้สะพักต้องมิคุนสิมบัดตามเงื่อนไขดั่งต่ำไปนี้:

Hệ đào tạo **ລະດັບການສຶກສາ**	**Điều kiện** **ເງື່ອນໄຂ**
Bậc Đại học ປະລິນຍາຕີ	Thí sinh đã tốt nghiệp Trung học phổ thông. ຜູ້ສະໝັກຕ້ອງຈົບການສຶກສາລະດັບມັດທະຍົມປາຍ.
Bậc Thạc sĩ ປະລິນຍາໂທ	Thí sinh đã tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. ຜູ້ສະໝັກຕ້ອງຈົບລະດັບປະລິນຍາຕີ ໃນສາຂາທີ່ກົງ ຫຼື ສອດຄ່ອງກັບສາຂາທີ່ສະໝັກ.
Bậc Tiến sĩ ປະລິນຍາເອກ	Thí sinh đã tốt nghiệp thạc sĩ, thuộc ngành đúng, phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển, thời gian đào tạo 3 năm. ຜູ້ສະໝັກຕ້ອງຈົບລະດັບປະລິນຍາໂທ ໃນສາຂາທີ່ກົງ ຫຼື ສອດຄ່ອງກັບສາຂາທີ່ສະໝັກ, ໂດຍມີໄລຍະເວລາຮຽນ 3 ປີ.

Trường hợp thí sinh đăng ký và đạt yêu cầu trúng tuyển đại học nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Việt theo quy định, bắt buộc phải học thêm Chương trình dự bị đại học (xem Mục 4).

ໃນກໍລະນີທີ່ຜູ້ສະໝັກໄດ້ຮັບການຄັດເລືອກເຂົ້າຮຽນລະດັບປະລິນຍາຕີ ແຕ່ຍັງບໍ່ມີໃບຢັ້ງຢືນພາສາຫວຽດນາມຕາມລະບຽບກຳນົດ, ຈຳເປັນຕ້ອງຮຽນເພີ່ມໃນຫຼັກສູດກຽມມະຫາວິທະຍາໄລ (ເບິ່ງຂໍ້ 4).

3.2. Yêu cầu về sức khỏe: Có đủ sức khỏe để học tập.

ຂໍ້ກຳນົດດ້ານສຸຂະພາບ: ຕ້ອງມີສຸຂະພາບແຂງແຮງ ແລະ ພ້ອມສຳລັບການສຶກສາ.

4. CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC (HỌC TIẾNG VIỆT) / ຫຼັກສູດກຽມມະຫາວິທະຍາໄລ (ຮຽນພາສາຫວຽດນາມ)

4.1. Đối tượng / ຜູ້ມີສິດເຂົ້າຮຽນ:

Thí sinh đăng ký và đạt yêu cầu trúng tuyển đại học nhưng chưa có chứng chỉ tiếng Việt theo quy định (có chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép).

ຜູ້ສະໝັກທີ່ໄດ້ຮັບການຄັດເລືອກເຂົ້າຮຽນລະດັບປະລິນຍາຕີ ແຕ່ຍັງບໍ່ມີໃບຢັ້ງຢືນພາສາຫວຽດນາມຕາມລະບຽບ (ມີໃບຢັ້ງຢືນພາສາຫວຽດນາມລະດັບ 4 ຂຶ້ນໄປ ຕາມກອບມາດຕະຖານຄວາມສາມາດພາສາຫວຽດນາມສຳລັບຊາວຕ່າງປະເທດ ທີ່ອອກໃຫ້ໂດຍສະຖາບັນທີ່ໄດ້ຮັບອະນຸຍາດຈາກກະຊວງສຶກສາທິການ ແລະ ການຝຶກອົບຮົມ).

4.2. Học bổng học tiếng Việt / ທຶນການສຶກສາສຳລັບຮຽນພາສາຫວຽດນາມ:

- Miễn 100% học phí (thời gian tối đa 1 năm) / ຍົກເວັ້ນຄ່າຮຽນ 100% (ໄລຍະເວລາສູງສຸດ 1 ປີ)
- Miễn phí Ký túc xá / ຍົກເວັ້ນຄ່າຫໍພັກນັກສຶກສາ

4.3. Cam kết nhận học bổng học tiếng Việt / ຄຳໝັ້ນສັນຍາເມື່ອຮັບທຶນຮຽນພາສາຫວຽດນາມ:

Sinh viên cam kết hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Việt và thi đạt chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài. Sinh viên phải tiếp

tục học chương trình đại học chính thức đã đăng ký tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp sinh viên bỏ học giữa chừng hoặc không tiếp tục học chương trình đại học chính thức đã đăng ký tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thì phải hoàn trả lại học bổng học tiếng Việt đã được cấp.

ນັກສຶກສາຕ້ອງໃຫ້ຄຳໝັ້ນວ່າຈະຮຽນຈົບຫຼັກສູດພາສາຫວຽດນາມ ແລະ ສອບເສັງໃຫ້ໄດ້ໃບຢັ້ງຢືນພາສາຫວຽດນາມລະດັບ 4 ຂຶ້ນໄປ ຕາມກອບມາດຕະຖານຄວາມສາມາດພາສາຫວຽດນາມສຳລັບຊາວຕ່າງປະເທດ.

ນັກສຶກສາຕ້ອງສືບຕໍ່ຮຽນໃນຫຼັກສູດປະລິນຍາຕີທີ່ໄດ້ລົງທະບຽນໄວ້ຢ່າງເປັນທາງການທີ່ມະຫາວິທະຍາໄລອຸດສາຫະກຳນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ.

ໃນກໍລະນີທີ່ນັກສຶກສາລາອອກກາງຄັນ ຫຼື
ບໍ່ສືບຕໍ່ຮຽນໃນຫຼັກສູດປະລິນຍາຕີທີ່ໄດ້ລົງທະບຽນໄວ້ທີ່ມະຫາວິທະຍາໄລອຸດສາຫະກຳນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ,
ນັກສຶກສາຕ້ອງຄືນທຶນຮຽນພາສາຫວຽດນາມທີ່ໄດ້ຮັບ.

4.4. Địa điểm học tiếng Việt / ສະຖານທີ່ຮຽນພາສາຫວຽດນາມ:

Học tại các cơ sở đào tạo có thỏa thuận hợp tác đào tạo tiếng Việt với Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, tại các khu vực:

ຮຽນຢູ່ສະຖາບັນການສຶກສາທີ່ມີຂໍ້ຕົກລົງຮ່ວມມືດ້ານການສອນພາສາຫວຽດນາມກັບມະຫາວິທະຍາໄລອຸດສາຫະກຳນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ ຢູ່ໃນເຂດພື້ນທີ່:

- Thành phố Hồ Chí Minh / ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ
- Tỉnh Quảng Ngãi / ແຂວງກວາງຫງາຍ
- Tỉnh Thanh Hóa / ແຂວງແທ້ງຮວ

5. THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ / ກຳນົດເວລາຍື່ນເອກະສານ

- Đợt 1: đến hết ngày 30/6/2026
  ຮອບທີ 1: ພາຍໃນວັນທີ 30/6/2026
- Đợt 2: đến hết ngày 30/8/2026
  ຮອບທີ 2: ພາຍໃນວັນທີ 30/8/2026

6. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GỒM / ເອກະສານສະໝັກປະກອບມີ:

6.1. Bậc Đại học / ປະລິນຍາຕີ

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu 01a) / ໃບສະໝັກຄັດເລືອກເຂົ້າຮຽນ (ແບບຟອມ 01a)
- Phiếu xét học bổng (Mẫu 01b) / ໃບສະໝັກຂໍທຶນການສຶກສາ (ແບບຟອມ 01b)
- Sơ yếu lý lịch (Mẫu 04) / ປະຫວັດຫຍໍ້ (ແບບຟອມ 04)
- 01 Bản sao y văn bằng tốt nghiệp (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) /
  ສຳເນົາໃບປະກາດຈົບການສຶກສາ 01 ສະບັບ (ຮັບຮອງເອກະສານ ແລະ ແປເປັນພາສາຫວຽດນາມ)
- 01 Bản sao y bảng điểm (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) /

สำเนาใบคะแนน 01 สะบับ (ຮັบธองเอกะสาน ແละ แปเป้นผาสาหวางนาม)

- 01 Bản sao hộ chiếu / สำเนาหนังสือเดินทาง 01 สะบับ
- 01 Giấy khám sức khỏe (không quá 6 tháng) / ใบกวดสุขะผาบ 01 สะบับ (ออกบ่เกิน 6 เดือน)
- 04 ảnh 3×4 (không quá 6 tháng) / ธูบถ่ายขะหนาด 3×4 จำนอน 04 ใบ (ถ่ายบ่เกิน 6 เดือน)
- Thư giới thiệu (nếu có) / จิดหมายแนะนำ (ถ้ามี)

6.2. Bậc Thạc sĩ / ปะลินยาโท

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu 02a) / ใบสะหมักคัดเลือกเข้าธวน (แบบฟอม 02a)
- Phiếu xét học bổng (Mẫu 02b) / ใบสะหมักขอทึนกานสึกสา (แบบฟอม 02b)
- Sơ yếu lý lịch (Mẫu 04) / ปะหวัดหยั้ (แบบฟอม 04)
- 01 Bản sao y văn bằng tốt nghiệp (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) / สำเนาใบปะกาดจิบกานสึกสา 01 สะบับ (ຮັบธองเอกะสาน ແละ แปเป้นผาสาหวางนาม)
- 01 Bản sao y bảng điểm (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) / สำเนาใบคะแนน 01 สะบับ (ຮັบธองเอกะสาน ແละ แปเป้นผาสาหวางนาม)
- 01 Bản sao hộ chiếu / สำเนาหนังสือเดินทาง 01 สะบับ
- 01 Giấy khám sức khỏe (không quá 6 tháng) / ใบกวดสุขะผาบ 01 สะบับ (ออกบ่เกิน 6 เดือน)
- 04 ảnh 3×4 (không quá 6 tháng) / ธูบถ่ายขะหนาด 3×4 จำนอน 04 ใบ (ถ่ายบ่เกิน 6 เดือน)
- Thư giới thiệu (nếu có) / จิดหมายแนะนำ (ถ้ามี)

6.3. Bậc Tiến sĩ / ปะลินยาเอก

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Mẫu 03a) / ใบสะหมักคัดเลือกเข้าธวน (แบบฟอม 03a)
- Phiếu xét học bổng (Mẫu 03b) / ใบสะหมักขอทึนกานสึกสา (แบบฟอม 03b)
- Sơ yếu lý lịch (Mẫu 04) / ปะหวัดหยั้ (แบบฟอม 03b)
- 01 Bản sao y văn bằng tốt nghiệp (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) / สำเนาใบปะกาดจิบกานสึกสา 01 สะบับ (ຮັบธองเอกะสาน ແละ แปเป้นผาสาหวางนาม)
- 01 Bản sao y bảng điểm (có công chứng, dịch thuật Tiếng Việt) / สำเนาใบคะแนน 01 สะบับ (ຮັบธองเอกะสาน ແละ แปเป้นผาสาหวางนาม)
- 01 Bản sao hộ chiếu / สำเนาหนังสือเดินทาง 01 สะบับ
- 01 Giấy khám sức khỏe (không quá 6 tháng) / ใบกวดสุขะผาบ 01 สะบับ (ออกบ่เกิน 6 เดือน)
- 04 ảnh 3×4 (không quá 6 tháng) / ธูบถ่ายขะหนาด 3×4 จำนอน 04 ใบ (ถ่ายบ่เกิน 6 เดือน)
- Thư giới thiệu (nếu có) / จิดหมายแนะนำ (ถ้ามี)

7. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐĂNG KÝ VÀ NỘP HỒ SƠ / ที่อยู่ติดต่สะหมัก ແละ ยื่นเอกะสาน

Viện Đào tạo quốc tế và Sau đại học (Tầng trệt, Nhà B)
สะถาบันฝึกอิบธึมนานาชาด ແละ บันดิดสึกสา (ชั้นลุ่ม, อาคาน B)

Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường Hạnh Thông, TP. Hồ Chí Minh.

ເລກທີ 12 ຖະໜົນ ຫງວຽນວັນບາວ, ແຂວງແຮ້ງທອງ, ນະຄອນໂຮ່ຈິມິນ.

Điện thoại / ໂທລະສັບ: (028) 38940390 – số nội bộ / ເບີພາຍໃນ 106

Email: sdh@iuh.edu.vn

Website: iuh.edu.vn